TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Bạch

2. Ông Lê Thanh Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Yến V

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đ

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị V vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024, bản tự khai ngày 05/6/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Yến V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đ kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về tư tưởng cũng như cách sống; vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 11/7/2023. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh được cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

- Bị đơn anh Nguyễn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình và không tham gia phiên hòa giải để Tòa án động viên anh, chị về đoàn tụ chung sống.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Yến V được ly hôn anh Nguyễn Đ.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 11/7/2023 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Đ cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng

mặt; bị đơn anh Nguyễn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Yến V và anh Nguyễn Đ kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị V và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau nên chị V khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Đ nhưng anh Đ không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị V và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ chung sống. Điều này chứng tỏ anh Đ không muốn hàn gắn tình cảm với chị V, làm cho mâu thuẫn giữa chị V và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Cho chị Trần Thị Yến V được ly hôn anh Nguyễn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 11/7/2023; hiện cháu A đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; anh Đ không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy hiện nay cháu A dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo về mọi mặt của cháu A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 11/7/2023 cho chị V trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị V yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của chị V là phù hợp với mức sống của địa phương và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, anh Nguyễn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2024).

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị Yến V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh Nguyễn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị Yến V được ly hôn anh Nguyễn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 11/7/2023 cho chị V tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/9/2024.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Yến V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003054 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Sang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Bình An, huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Phong